

# DIỄN ĐÀN VĂN HOÁ

# 36

# LUẬT TỤC

## - MỘT GIÁ TRỊ VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ ĐẶC SẮC

GS. TSKH. PHAN ĐĂNG NHẬT

**L**uật tục là một thuật ngữ được chuyển dịch từ *droit coutumier* (tiếng Pháp) và *customary law* (tiếng Anh). Người ta còn dùng các thuật ngữ khác để chỉ luật tục như *folk law* (luật dân gian), *indigenous law* (luật bản địa), *local law* (luật địa phương), *primitive law* (luật nguyên thủy), *unwritten law* (luật không thành văn)... Những thuật ngữ trên (phong tục, dân gian, địa phương, nguyên thủy, không thành văn, bản địa) đều thống nhất một quan niệm chung là khu biệt với luật Nhà nước (*statutory law*), tức là phân biệt với pháp luật quan phương, chính quốc, toàn thể, thành văn,... Trong số các thuật ngữ trên, phổ biến nhất là *droit coutumier - customary law*, có hàm ý đây là một hình thức trung gian giữa phong tục, tập quán và pháp luật, trung gian giữa luật và tục.

Các dân tộc Tây Nguyên có một kho tàng luật tục khá phong phú mà họ gọi bằng những tên khác nhau:

- Người Êđê gọi là *phạt kđi hoặc biđuê*;
- Người Mnông gọi là *phạt kđuôi*;
- Người Jrai gọi là *tdlai djuat* hoặc *tdlai phian*;
- Người Bana gọi là *dây nron kđi* hoặc *hlabar khôy*;
- Người Srê gọi là *n'ri*;
- Người Mạ gọi là *n'dri*.

Trong lúc đó, người Chăm và người Raglai gọi luật tục của mình là *adat*. Nên lưu ý, người Minangkabau, Indonesia cũng gọi luật tục là *adat*.

### I - Luật tục là một hiện tượng văn hoá

#### 1 - Sơ lược về các định nghĩa văn hoá

Văn hoá là một hiện tượng phức hợp và có liên quan đến nhiều lĩnh vực. Vì vậy, các nhà khoa học có thể đứng ở nhiều góc độ khác nhau để đưa ra nhiều định nghĩa, kết quả có hàng trăm định nghĩa (có người nói 300 - GS. Phan Ngọc, cũng có người nói 400 - GS. Trần Quốc Vượng).

Vào những năm 50 thế kỷ XX, Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn (1952) đã tổng hợp vào một cuốn sách, một số lớn đến kinh ngạc những định nghĩa về văn hoá. Mặc dù có sự chông chéo nhau giữa các định nghĩa về văn hoá, nhưng hai ông đã cố gắng mở xẻ khái niệm văn hoá qua sự phân loại thành 6 nhóm sau định nghĩa<sup>1</sup>:

Nhà xã hội học Sta-e-rơ-man phân ra nhiều nhóm định nghĩa, GS. Hoàng Vinh đã dựa vào đấy để tóm lược thành 12 nhóm tiêu biểu<sup>2</sup>.

Từ các định nghĩa đó, chúng tôi tổng hợp lại như sau: Văn hoá là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần được các cộng đồng người sáng tạo ra trong quá trình hoạt động thực tiễn, bao gồm các sản phẩm thuộc cả lĩnh vực cụ thể và trừu tượng: Công cụ, biểu tượng, thiết chế, phong tục, tín ngưỡng,...

Xét về đặc điểm, văn hoá có tính tổng thể, vận động, duy nhất thuộc về con người, khu biệt với tự nhiên, có tính giao lưu, tiếp biến.

Xét về ý nghĩa, tác dụng, văn hoá:

- Chế định các hành vi ứng xử, các quan hệ của các cộng đồng người;
- Khiến cho con người khả dĩ thích ứng với môi trường tự nhiên và xã hội;
- Giúp cho các nhóm người giao tiếp với nhau, liên kết lại thành một cộng đồng riêng;

- Làm cho con người trở thành những sinh vật đặc biệt, có nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dần thân một cách có đạo lý;

- Vừa tạo nên sự phân biệt giữa loài người với giới động vật, vừa xác định những nét riêng của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc.

#### 2 - Luật tục là một hiện tượng văn hoá

Đối chiếu với định nghĩa tóm tắt trên, luật tục có những điểm tương ứng:

2.1 - Luật tục là thành quả của sáng tạo tinh thần của cộng đồng được truyền qua bao thế hệ. Đồng bào nói, luật tục là "ông bà để lại cho". Các thế hệ dựa vào những điều được kể truyền, điều chỉnh bổ sung hoặc loại trừ, khiến cho nội dung ngày càng thích hợp với cuộc sống đương thời.

Đây là một sự sáng tạo đồng bộ của nhiều bộ phận, các bộ phận đó ăn khớp, gắn bó với nhau và tác động tương hỗ.

Các điều của luật tục bao quát khá đầy đủ các mặt, các phạm vi cần thiết của đời sống cộng đồng. Nội dung luật tục thường có: Những quy định về nguyên tắc chung, quan hệ hai chiều giữa người đầu làng và cộng đồng, hôn nhân, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ - con cái, về tài sản, về đất đai, bảo vệ vật nuôi - cây trồng, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,...

Để bảo đảm cho các điều luật được thi hành nghiêm túc, có một cơ chế tổ chức - thường có "hội đồng" già làng (có nơi quy định rõ gồm chủ làng và chủ núi), người điều tra (pô grong-gong lan). Ở dưới "hội đồng" cấp làng, thường có ban xét xử của tộc họ. Khi việc xét xử diễn ra khó khăn phức tạp, ngày xưa thường có các hình thức thử tội như lặn nước, đổ chì, bóp trứng, mò kim trong nước sôi...

Sau khi xét xử có hình thức tuyên thệ (cầm vòng), thể trước cộng đồng và thần linh là sẽ thi hành và không phản lại những điều đã đồng tình. Hiện vật xử phạt thường có gà - rượu, heo - rượu hoặc tội nặng thì trâu rượu. Các sản phẩm để cúng thần và làm bữa ăn cộng cảm, nhằm vui chung, kể cả hai bên tạm thời bất hoà, đem lại sự tái hoà hợp cho cộng đồng và xin sự xá tội của thần linh.

Tất cả các sáng tạo trên, gồm các mặt nội dung điều chỉnh, cơ chế tổ chức, chế tài, đều gắn bó với nhau trên tinh thần cơ bản của xã hội tiền giai cấp: Cộng đồng hoà hợp, dân chủ, bình đẳng, hữu ái. Đây là điểm thứ nhất của

luật tục, chứng tỏ nó là một hiện tượng văn hoá.

2.2 - Luật tục bao gồm những quy định thuộc về thiết chế xã hội, chế định hành vi ứng xử, điều hoà mối quan hệ cộng đồng. Ví dụ:

- Chương "Tranh chấp tài sản, giải quyết nợ nần" (*Luật tục Jrai*) có các điều:

- . Về việc cam kết vay nợ.
- . Về việc chiếm đoạt tài sản của người khác.
- . Về việc vay nợ không trả được.
- . Về tội không chịu trả nợ.
- . Về tội không thực hiện cam kết.
- . Về tội chiếm đoạt rẫy của người khác.
- . Về tội chiếm hữu tài sản thừa kế của người khác.

- Chương "Trật tự an ninh xã hội" (*Luật tục Jrai*) có các điều:

- . Về những kẻ bất chính.
- . Về những kẻ lười biếng.
- . Về bọn ăn trộm, ăn cắp.
- . Về kẻ say rượu.
- . Về thầy phù thủy, thầy bói bịp bợm.
- . Về người phụ nữ hư hỏng, lăng lờ.
- . Về trẻ em phạm tội.
- . Về tội phản bội lợi ích của dân làng.
- . Về những kẻ không tham gia công việc của dân làng.
- . Về những kẻ không trung thực.
- . Về tội cố tình làm lây bệnh trong buôn làng.
- . Về những kẻ thường xuyên gây ra tội ác.
- . Về tội cố ý làm cháy nhà (buôn, làng, rừng).
- . Về việc để gia súc phá rẫy của người khác.
- . Về tội giết gia súc của người khác.
- . Về tội để chó dại cắn người.

2.3 - Luật tục quy định mối quan hệ ứng xử với tự nhiên, về bảo vệ môi trường. Ví dụ: Chương: "Bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước" (*Luật tục Raglai*) có những điều:

- . Cấm làm nhà, làm đờ bản nơi nguồn nước, mạch nước ngầm.
- . Chỉ được dùng nước (suối, sông, hồ) ở một phía.
- . Uống nước hai bờ là giành giạt với ông bà.
- . Cấm đàn bà trẻ con tắm nước suối, nước sông.
- . Cấm săn bắn quá mức.
- . Cấm săn bắn và mang thịt thú rừng.

- . Cấm phát thông ranh rẫy.
- . Không được cắt ngang đường rẫy.
- . Nghiêm cấm làm lửa cháy rừng.
- . Cấm đung chạm đến cây to, cây nhiều tuổi.
- . Cấm làm nhà ở, phát rẫy nơi đầu núi chân làng.
- . Không được làm nhà nơi thung, trảng, bãi, ao.
- . Không được làm rẫy nơi có người chết không được chôn cất đàng hoàng.
- . Cấm tự ý du cư đến nơi rừng sống, đất mới.

2.4 - Hình thức diễn đạt của luật tục là văn học nghệ thuật

Luật tục được diễn đạt bằng lời nói vần. Lời nói vần là một hình thức trung gian giữa ngôn ngữ giao tiếp và thơ ca hoàn chỉnh. Ngôn ngữ giao tiếp chỉ đòi hỏi đúng từ pháp, cú pháp, không đòi hỏi có tính nghệ thuật như vần nhịp đối, hình ảnh,... Tuy nhiên, con người còn có các sinh hoạt đặc biệt, cần biểu đạt những cảm xúc mạnh mẽ: vui, buồn, giận, ghét, trang nghiêm,... Để biểu đạt những tình huống "đặc biệt" này, con người có xu hướng dùng một loại ngôn ngữ cũng "đặc biệt", có tính nghệ thuật, có các yếu tố vần nhịp đối, hình ảnh.

Nhiều dân tộc nước ta có lời nói vần. Người Tày có *phuoối pác, phuoối rọi*; người Mường có *bọ mọng*; người Bru - Vân Kiều có *chà chấp*; người Êđê có *đuê*; người Jrai có *pđok*; người Raglai có *đơp pácáp*, người Mnông có *nao mpring*; người Việt có *nói ví, nói lối*,...

Luật tục không phải là một sinh hoạt bình thường. Nó quan trọng vì xét xử lỗi lầm của một thành viên cộng đồng, đồng thời trang nghiêm vì có sự chứng giám và tham gia của thần linh. Vì vậy, luật tục phải được diễn đạt bằng lời nói vần. Dân tộc nào dùng lời nói vần của dân tộc ấy.

Ví dụ, đoạn lời nói vần sau đây, mở đầu điều luật về con cái xúc phạm đến bố mẹ:

1	Toloi/thào prông hlôh/kơ ching	Dây buộc chiêng không thể lớn hơn cái chiêng
2	Adring/thào prông hlôh/ kơ sang	Hiên nhà không thể lớn hơn cái nhà
3	Tang glang/ thào prông kơ/ bơ bung	Chái nhà không thể lớn hơn mái nhà
4	Rơ sung/ thào giông hlôh/kơ hơ lăo	Cối giã gạo không thể cao hơn cái chày
5	Potâu/thào prông hlôh kơ/ chú	Hòn đá không thể lớn hơn quả núi
6	Bơ nư/thào diông hlôh / kơ ia	Đập nước không thể dài hơn con sông
7	Đỗ mda/thào gao hlôh/kơ ami ama	(Vây) Con trẻ không thể khinh thường mẹ cha.

Câu có vần nhịp rất dễ nhớ. Trong hoàn cảnh chưa có chữ viết, điều này rất cần thiết. Luật tục lại nêu lên 6 hiện tượng tự nhiên mà trong đó, bộ phận không thể to hơn toàn thể, như một quy luật tất yếu, để đi đến khẳng định là trẻ con không được khinh thường cha mẹ mình. Đây là phương pháp tư duy quen thuộc và rất thích hợp với tâm lý các dân tộc thiểu số.

Tóm lại, luật tục là sáng tạo của cộng đồng, một sự sáng tạo khá đồng bộ và chặt chẽ, bao gồm cả cơ chế tổ chức và nội dung; được lưu truyền qua nhiều thế hệ; về nội dung, luật tục quy định các mặt và các mối liên hệ như: Thiết chế xã hội, chế định hành vi ứng xử, mối quan hệ xã hội và tự nhiên. Nội dung văn hoá này lại được biểu hiện bằng một loại hình ngôn ngữ tiên thi ca, tức là bằng chính văn hoá nghệ thuật. Có thể kết luận, luật tục là văn hoá, trong văn hoá pháp lý của dân tộc.

## II - Văn hoá luật tục

### 1 - Văn hoá luật tục là một bộ phận của văn hoá pháp lý

Theo luật sư Lê Đức Tiết: "Văn hoá pháp lý là một dạng, một bộ phận hợp thành của nền văn hoá dân tộc. Cũng như các dạng, các thành phần khác, văn hoá pháp lý bao gồm trong nó ba yếu tố:

- Ý thức pháp luật của Nhà nước, của dân tộc, của các cộng đồng và của các công dân qua các thời kỳ lịch sử;

- Nền pháp luật, bao gồm pháp luật thành văn và chưa thành văn được xây dựng nên qua các thời kỳ lịch sử;

- Trình độ kỹ năng, kỹ thuật sử dụng pháp luật với vai trò là vũ khí bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là công cụ quản lý thống nhất của Nhà nước, là căn cứ pháp lý điều chỉnh mọi mặt hoạt động của Nhà nước, của xã hội, là mực thước xử sự đúng pháp luật của mọi công dân"<sup>3</sup>.

TS. Dương Thanh Mai cũng thống nhất như trên: "Văn hoá pháp luật, theo quan niệm trên về văn hoá, phải được nhận diện đầy đủ bởi ba yếu tố:

- Ý thức pháp luật (tư tưởng, quan điểm, nhận thức, tâm lý và tình cảm pháp luật) của cá nhân, các nhóm xã hội và toàn xã hội;

- Hệ thống pháp luật (theo nghĩa rộng: Hệ thống luật thực định và các nguồn luật khác: Tổ chức và hoạt động các thiết chế lập pháp, hành pháp, tư pháp) với ý nghĩa là các sản phẩm vật chất của ý thức luật pháp.

- Hành vi, lối sống theo pháp luật của từng cá nhân, cộng đồng và cách thức, trình độ sử dụng các công cụ pháp luật của Nhà nước trong quá trình quản lý nhà nước và xã hội"<sup>4</sup>.

Vận dụng luận điểm trên đây vào thực tế luật tục nước ta, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày đặc điểm của văn hoá luật tục; sự tôn trọng, tinh thần trách nhiệm của cộng đồng đối với luật tục, tinh thần khoan hoà đối với lỗi lầm. Chúng tôi cũng không có dự định trình bày toàn bộ luật tục như nó vốn có mà chỉ xem xét vấn đề dưới hai nguyên tắc: phương pháp luận sau đây:

- Đúng ở góc độ văn hoá để đánh giá;

- Không hoàn toàn dựa vào luật pháp thời kỳ có giai cấp thống trị để làm tiêu chuẩn đánh giá.

## 2 - Đặc điểm của văn hoá luật tục

### 2.1 - Sự tôn trọng, tinh thần trách nhiệm của cộng đồng đối với luật tục

Đối với luật tục, không có một cơ quan chuyên trách đứng ra làm luật. Mà cơ quan này, nếu có, lại luôn đại diện cho quyền lợi hữu hạn của một tầng lớp hoặc một giai cấp để chuyên chính với bộ phận còn lại trong xã hội.

Làm nên các điều luật tục là toàn cộng đồng, nòng cốt là những già làng, những người có tham gia xử việc hoặc không tham gia. Họ là những người có uy tín, hiểu biết phong tục tập quán, hiểu biết văn hoá dân tộc, có tri thức bản địa của dân tộc về tự nhiên và xã hội.

Phương thức sáng tạo luật tục là phương thức sáng tạo văn hoá dân gian. Các nghệ nhân dân gian, một mặt nắm vững, nhuần nhuyễn, thuộc lòng toàn bộ luật tục của cộng đồng mình; mặt khác hiểu biết sâu sắc đời sống thực tế, văn hoá dân tộc, tri thức bản địa, như đã nói trên. Họ ứng dụng các điều luật tục

"của ông bà để lại" với một sự tôn trọng kính cẩn, và điều chỉnh cho phù hợp với đương thời. Họ luôn buộc phải nghe theo xu hướng của cộng đồng, điều gì không thích hợp thì cộng đồng loại trừ một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc. Đó là sự lãng quên, sự xoá bỏ tuyệt đối của thời gian.

Chính phương thức sáng tạo nói trên đã khiến cho toàn cộng đồng nhận rõ luật tục là của chính mình, luôn có trách nhiệm bảo vệ nó.

Trách nhiệm đó được thực hiện kể cả khi bản thân có lỗi lầm phải nộp phạt. Không những chỉ cá nhân tự nguyện thi hành luật tục, mà cả tập thể nhỏ, gia đình, dòng họ đều liên đới chịu trách nhiệm. Trước hết là trách nhiệm tinh thần. Người ta thấy xấu hổ khi người thân, vợ, chồng, con cháu, hoặc người cùng họ, phạm lỗi với thần linh và làng xóm.

Trách nhiệm trên còn thuộc về phạm vi vật chất. Khi một thành viên không có điều kiện nộp phạt thì gia đình, dòng họ có nhiệm vụ đóng góp để trang trải việc này. Chúng tôi đã chứng kiến những trường hợp hai anh em có gia đình riêng, người em không chịu nộp phạt, anh đứng ra nộp phạt thay em<sup>5</sup>.

Một ý thức của tất cả cộng đồng là hết sức coi trọng sự hoà hợp chung và sự chấp thuận của thần linh. Một sự bất hoà giữa hai người hoặc hai nhóm người làm rạn nứt sự đoàn kết thương yêu vốn lâu dài và bền chặt trong buôn, plêy. Đây là điều mất mát, đau xót chung và mọi người đều có trách nhiệm hàn gắn. Hơn nữa, đồng bào tin rằng, những sự việc như vậy làm cho các vị thần hộ mệnh của cộng đồng mình buồn lòng và tức giận. Họ không tiếp tục phù hộ nữa, có khi còn trừng phạt; có những tội lỗi bị trừng phạt rất nặng nề như: Có người loạn luân thì cả vùng bị bão lụt, nắng hạn, dịch bệnh... cho đến khi đôi tội nhân chịu thể không tái diễn và chịu hình phạt đặc biệt theo "quy định của ông bà xưa"<sup>6</sup>.

Ở trên chúng tôi đã đã nói, hành động của cá nhân có sự liên đới trách nhiệm với gia đình, dòng họ. Đó là xét về ý thức xã hội. Còn theo quan niệm tâm linh của đồng bào, hành động của một cá nhân gây ảnh hưởng tới toàn thể cộng đồng. Vì vậy, toàn thể cộng đồng có trách nhiệm theo dõi, giúp đỡ, ngăn chặn sự vi phạm luật tục đối với tất cả mọi cá nhân trong cộng

đồng. P. Guilleminet có nhận xét đúng như vậy: "Tập thể cố làm sao cho trật tự được tôn trọng khắp mọi nơi để khỏi bị liên lụy trước sự trừng phạt của thần linh, tập thể buộc mọi người tôn trọng những quy tắc chung để trật tự khỏi bị vi phạm".

J. Dournes cũng có nhận xét như trên, ông nói về mối quan hệ chặt chẽ giữa người, súc vật, cây cối và thần linh trong thế giới Jrai: "Cần biết rằng, tất cả những người, súc vật, cây cối... và thần linh có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Con người không thể làm đứt mối liên kết này nếu họ muốn sống trong sự hoà hợp, với sự trật tự của muôn vật như là "từ khi bắt đầu của vũ trụ". Khi một một người thợ săn Jrai bắn một thú rừng, anh ta phải tạ lỗi: "xin chớ vi phạm vì con phải có cái ăn", và khi anh ta giết một con hổ, phải làm lễ hiến sinh. Khi người Jrai chặt cây, anh ta cũng phải tạ lỗi như trên, kèm thêm là một nghi thức khấn thần cây. Các mối quan hệ trên được coi như là một sợi dây bền chặt. Người nào làm đứt mối quan hệ hài hoà này, cuộc sống sẽ bị đe dọa. Mục đích chính của việc giải quyết tranh chấp là nhằm nối lại sợi dây hoà hợp, nhờ vậy trật tự thế giới được bảo vệ và mối liên hệ thần thánh được thắt chặt (*tác giả nhấn mạnh*)".

## 2.2 - Tinh thần khoan hoà đối với lầm lỗi

Luật tục một mặt rất nghiêm khắc, mặt khác lại khoan hoà. Khi có người lầm lỗi, bước đầu tiên là hoà giải trong nội bộ gia đình. Gia đình có thể không lớn lắm, cũng có thể hàng mấy chục người, như đại gia đình mẫu hệ Tây Nguyên. Khi không hoà giải được mới xử ở bậc cao hơn.

Người Raglai thường nêu phương châm xử việc là: Đặt nặng lấy nhẹ (*Pùq traq m̄aq sidjưl*), đặt cao xử thấp (*Pùq dlòc jư dòq viar*); hoặc nói một cách hình ảnh là: "Rắn góc đầu ngang vai. Chỉ cần dưới bàn chân". Tất cả đều có nghĩa là khi rắn đe giáo dục, có thể nói nặng, nhưng xử phạt thì nhẹ, giống như người Việt nói "Giơ cao đánh khẽ".

Sau khi kết luận lỗi lầm và mức xử phạt, bao giờ cũng có lễ cầm vòng, uống rượu thể. Người chủ trì gọi là ông xử việc (*pô phạt k̄đi, pô charana*) giơ cao cái vòng lên, các bên, người có lỗi và người bị thiệt hại, cùng cầm lấy vòng trước sự chứng kiến của cộng đồng. Ông xử việc trình trọng nói:

*Cái vòng đã cầm  
Mái tranh đã buộc  
Có cả người làm chứng  
Như con voi, tê giác đã chết  
Đã chôn vùi*

*Không thể quay phải quay trái được nữa  
Mọi việc đã xong xuôi.*

Có nơi chúng tôi thấy ông xử việc đứng dậy cầm bát đồng (bát thờ), rót đầy rượu đã cúng, nghĩa là đã có sự tác động của Yang, thêm ba người khác, gồm già làng, người lầm lỗi và người bị thiệt hại, cùng nâng bát rượu. Ông xử việc trình trọng tuyên bố:

*Tình thương của chúng ta như chén rượu đầy  
Hãy rót đầy tình anh em  
Rót đầy tình xóm làng  
Rót đầy tình thương yêu  
Chúng ta chung tay nâng chén rượu đầy  
Chung miệng uống cạn chén rượu đầy  
Từ nay coi như lửa đã tắt, thuốc đã tàn  
Mọi điều xấu đã chấm dứt*

*Kẻ nào mà  
Tranh đã khô lại đòi tưới trở lại  
Rượu (cần) đã nhạt lại đòi ngọt trở lại  
Câu chuyện xong xuôi lại đòi lật lên  
Phải xử phạt theo tục lệ ông bà xưa.*

Trong không khí trang nghiêm, mọi người im phăng phắc lắng nghe. Khi ông xử việc ngừng, toàn thể ào lên sự đồng tình.

Và cả bốn người cùng chụm uống cạn bát rượu.

Toàn thể cử tọa vui vẻ thoả mãn. Người ta yên tâm, người Jrai nói, như thế là *đã m̄ao pô grong, kol hrê, wek t̄angan* (đã làm chứng, đã thắt nút, ngoéo tay xong xuôi), từ nay làng xóm trở lại hoà thuận, yên vui.

Bao giờ cũng vậy, sau buổi xử việc là một cuộc ăn uống cộng cảm, thân mật, vui vẻ.

Phần vật chất cho cuộc vui là các vật phẩm bị phạt. Tùy theo nặng nhẹ đó là gà - rượu, lợn - rượu hoặc trâu - rượu (rượu cần). Vật phẩm này trước dâng cúng Yang, sau toàn thể cộng đồng hưởng lộc như nhau, không phân biệt thứ bậc, giàu nghèo.

Chính buổi ăn cộng cảm này góp phần điều hoà thêm những sự bất bình còn sót lại. Sau đó, mọi việc cũ đều được bỏ qua, không để bụng, không thù hằn, với niềm tin các Yang cũng đã xoá mọi lỗi lầm cho cộng đồng.

Có những cuộc xử kiện đánh nhau do say

rượu thì xử xong, liên hoan, hai bên làm lễ kết nghĩa, vì rằng, nguyên nhân xảy ra xích mích là do rượu đánh chứ không phải người đánh nhau.

### III - Thay lời kết

1 - Thái độ ứng xử đối với luật tục và văn hoá luật tục qua các thời kỳ lịch sử

*Thời phong kiến:*

Nhiều triều vua, vì những nguyên nhân khác nhau, có thể do nhận thức đúng đắn vai trò của dân tộc thiểu số, có khi là không đủ điều kiện để đối phó, nên có chủ trương ít can thiệp vào các dân tộc thiểu số, ràng buộc một cách vừa phải - *chính sách Kimi*, điều này biểu hiện ở luật pháp là, tôn trọng luật tục của các dân tộc thiểu số: "Từ những năm đầu triều đại Lê, chính quyền Trung ương đã có chính sách không can thiệp vào những vùng núi, chùng nào mà trật tự xã hội còn được duy trì, và thuế khoá còn được thu nộp đều đặn... Mặc dù ý định của triều đình là muốn đưa các dân tộc thiểu số vào theo nền văn hoá của mình, song sự cải biến về văn hoá của họ, trên thực tế chẳng được mấy. Điều này đã được phản ánh trong bộ luật nhà Lê (*Quốc triều hình luật*), quy định rằng: "Mọi chuyện xung đột giữa hai người thuộc cùng một nhóm sắc tộc thì được quyết định theo luật tục của bản thân họ. Trong trường hợp giết người, sự trừng phạt được giảm bớt một bậc so với hình phạt áp dụng cho người Việt, và nếu đã dàn xếp trước được một sự hoà giải thì hình phạt thậm chí, không được áp dụng (*QTHL*)"<sup>8</sup>.

Đến đời Nguyễn, cũng theo tinh thần tôn trọng phong tục, luật tục các dân tộc thiểu số, Điều 3, trong Dự 51, ngày 25/5 năm Bảo Đại thứ 11 (13/7/1936) ban hành *Hoàng Việt Trung Kỳ Hộ luật* có ghi rõ: "Hộ luật chỉ thi hành đối với người Việt, còn những thổ dân nước ta như Chàm, Mường, Mán, Thái, Mọi, thời giữ theo tục luật các thổ dân ấy"<sup>9</sup>.

*Thời thuộc Pháp:*

Sau hơn nửa thế kỷ cai trị các nước Đông Dương, người Pháp nhận thấy hoàn toàn bất lực trong việc cai trị Tây Nguyên bằng pháp luật, họ chuyển sang nghiên cứu luật tục và ứng dụng luật tục trong xét xử. Ý kiến sau đây xác minh nhận định trên: "Sự can thiệp của những nhà luật pháp người Pháp đã đem lại, trước hết, trong tất cả Đông Dương một cuộc

cải cách tổ chức tư pháp và trình tự tố tụng. Trái với tất cả những gì đã diễn ra ở Campuchia, Lào, Việt Nam, chính quyền thực dân không hề đạt được một kết quả nào kể cả việc làm thay đổi, việc làm biến dạng, cả việc cải cách kỹ thuật và quan niệm truyền thống (về luật lệ) của bộ tộc này (*tác giả nói về người Jrai - PDN*)"<sup>10</sup>.

Với nhận định trên, người Pháp đã sớm tỉnh ngộ, do đó ở vùng Tây Nguyên họ đã lập một loại toà án riêng, được gọi là *Toà án phong tục* (TAPT) (*tribunal coutumier*). Để khẳng định tính chính thống của toà án này, người Pháp còn dùng tên gọi *Tribunal coutumier officiel* = Toà án phong tục quan phương. Song song với TAPT, chính quyền chấp nhận việc xét xử theo luật tục ở các làng buôn mà họ gọi là *Tribunal des villages* (Toà án làng buôn).

Chúng tôi đã khảo sát và so sánh các điều luật của TAPT Kontum (gồm Bana, Jrai, Sôdang) với luật tục Êđê và nhận thấy nhiều điểm về tinh thần cơ bản của phong tục và luật tục các dân tộc Tây Nguyên được vận dụng và đưa vào TAPT một cách thích hợp:

- Về hôn nhân, TAPT đã có những quy định phù hợp theo đặc điểm của các chế độ gia đình của từng dân tộc: Mẫu hệ, phụ hệ, trung gian; về các mặt cư trú, giám hộ...

- Về quan hệ tình dục ngoài giá thú, TAPT tuân thủ rất sát sao luật tục quy định về vấn đề này thời kỳ giữ mả và bỏ mả. Trong thời kỳ giữ mả, người goá nếu có quan hệ tình dục, bị phạt nặng hơn. Tuy nhiên, ngay sau khi làm lễ tắm gội (trong lễ bỏ mả), người goá được phép tự do "quan hệ".

- Vai trò của quan niệm tín ngưỡng Yang (vật linh = animism) rất được tôn trọng trong TAPT. Điều này thể hiện qua các hình thức phạt để tạ tội về sự xúc phạm đến hồn vía của các vật thể, tức là xúc phạm đến Yang; và thể hiện qua một kiểu phạt đặc biệt Tây Nguyên là "lấy cắp một phải đền ba".

- Tuy nhiên, TAPT có những sửa đổi hợp với tiến bộ, ví như không chấp nhận hình thức nhục mạ nhân phẩm trong tội loạn luân, và không chấp nhận việc thử tội (điều tra phạm tội) bằng những hình thức trung cổ như: Đổ chì nóng vào tay, lặn nước, lấy kim trong nổi nước đang sôi, bóp trứng...

- Về nhân sự xét xử, trong những phiên toà

xử người dân tộc thiểu số (hai bên hoặc một bên đương sự) đều có quan toà là người dân tộc. Sau đây là thông báo của triều đình nhà Nguyễn: "Chúng tôi đồng ý đặt ở Kon Tum một tri huyện người An Nam và một tri huyện người Mọi (Tây Nguyên). Những quan chức này giúp ngài công sứ điều hành công việc pháp lý. Cụ thể như sau:

. Với trường hợp người An Nam, do quan tri huyện An Nam xử dưới sự kiểm soát của ngài công sứ, như ở các tỉnh khác. Trong trường hợp này xử theo luật An Nam.

. Với trường hợp người Tây Nguyên, do quan tri huyện Tây Nguyên xử dưới sự kiểm soát của ngài công sứ. Trong trường hợp này xử theo luật tục Tây Nguyên.

. Với trường hợp tranh chấp giữa người An Nam và người Tây Nguyên, do ngài công sứ xử với sự tham gia tư vấn của quan huyện An Nam và quan huyện Tây Nguyên. Trong trường hợp này xử theo luật An Nam, đồng thời tuân thủ luật tục Tây Nguyên (Hội đồng nhiếp chính: Thông báo quyết định của Triều đình về tổ chức tư pháp ở tỉnh Kontum, số 196, ngày 29/3 năm Duy Tân thứ 7, tức là ngày 7/7/1913 )<sup>1</sup>.

- Về chế tài, dùng cả chế tài của luật tục (cung tạ tội) và chế tài của toà án tư sản (phạt tiền, tịch biên gia sản, tù,...).

- Về phong cách diễn đạt, không dùng văn vần, mà dùng ngôn ngữ chính xác, nhờ vậy tránh sự hiểu mơ hồ. Bố cục các chương, điều vừa mạch lạc vừa chặt chẽ. Mặc dầu còn cần thảo luận thêm, nhưng chúng tôi cho rằng TAPT đã cho ta một kiểu cách hợp lý về việc tiếp thu luật tục, mà chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu cẩn thận.

#### 2 - Và bài học ngày nay

Chúng tôi vừa trình bày các đặc điểm văn hoá của luật tục; tiếp đến là thái độ ứng xử của các triều đại phong kiến và chính quyền thực dân đối với luật tục. Họ đã rút ra bài học

là, không thể áp đặt luật lệ miễn xuôi lên miền núi, do đó đã có những chủ trương và biện pháp thể hiện sự tôn trọng luật tục của đồng bào. Đó là tinh thần thái độ của tầng lớp thống trị và xâm lược.

Chúng ta là chính quyền "của dân, do dân, vì dân" chắc chắn là có những chủ trương, chính sách tiến bộ và tốt đẹp hơn nhiều, nhằm phát huy luật tục, cũng chính là phát huy các giá trị văn hoá luật tục trong quá trình hội nhập, công nghiệp hoá và hiện đại hoá./.

D.D.N

#### Chú thích:

1 - Đỗ Lai Thuý: *Theo vết chân những người khổng lồ*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, H. 2006, tr. 6.

2 - Hoàng Vinh: *Tập bài giảng lý luận văn hoá*, Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 1999, tr. 27-30

3 - Luật sư Lê Đức Tiết: *Văn hoá pháp lý Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, H. 2005, tr. 34 - 35.

4 - TS Dương Thanh Mai: "Bàn về văn hoá tư pháp Việt Nam", trong sách *Chuyên đề văn hoá tư pháp*, Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý xuất bản, 2001, tr. 44 - 45.

5 - Phan Đăng Nhật (chủ biên): *Luật tục Chăm và luật tục Raglai*, Nxb. Văn hoá dân tộc, H. 2003, tr. 185.

6 - Hình phạt của tội loạn luân mà chúng tôi tìm hiểu được thường là bắt đôi trai gái trần truồng, ăn trong máng lợn, ám chỉ chúng đã xử sự như súc vật thì bắt hành động kiểu súc vật. Có nơi còn có người cầm que lừa họ bò đi trong tư thế của gia súc. Hình phạt này thực hiện trước cộng đồng là một sự xỉ nhục ghê gớm, làm cho mọi người khiếp sợ tội loạn luân.

7 - P. Guilleminet: *Luật tục người Bahnha, Sedang, Jrai ở tỉnh Kontum*, tập I, EFEO, H. 1952, tr.24.

8 - Insun Yu: *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1994, tr. 234 - 235.

9 - Nguyễn Khắc Ngữ: *Mẫu hệ Chăm*, Nxb. Trình bày, Sài Gòn, 1967, tr. 121.

10 - P. Bernard Lafont: *Tơlơ djuat, luật tục của bộ lạc Jarai*, EFEO, Paris, 1963, tr. 18.

11 - Paul Guilleminet: *Luật tục của bộ lạc Ba Na - Xê Đăng và Jrai ở tỉnh Kontum*, EFEO, H. 1952, tr. 71.

### SUMMARY: LUẬT TỤC (CUSTOMARY LAW) - AN OUTSTANDING CULTURAL VALUE OF THE INTANGIBLE (DR. PROF. PHAN ĐĂNG NHẬT)

Peoples in the Central Highland of Vietnam possess a diverse and rich heritage of luật tục (customary law), which has been considered as a medium between their customs, practices and rules of law. The article clearly defines luật tục as a cultural phenomenon, the luật tục culture as an integral part of legal culture and its characteristics. It also introduces briefs on behavioral conducts to luật tục and its culture in the history. Henceforward, it proposes the promotion of luật tục cultural values in contemporary life.